

báo cáo lưu chuyển tiền tệ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý.....năm....

Đơn vị tính:

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Đối chiếu tài khoản	
1		2	TK Nợ	TK Có
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác (1)+(2)+(3)-(4) (+)	1- Thu tiền ngay 2 - Thu của kỳ trước - Thu từ hoạt động kinh doanh bán sản phẩm, hàng hóa +tiền ứng trước của người mua hàng hóa, dịch vụ. 3- Doanh thu nhận trước (nếu có) 4 - Các khoản giảm trừ - Chiết khấu thương mại - Giảm giá hàng bán ...	01	111,112,113 111,112,113 111,112,113 111,112,113	511 333 131 3387
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ (1)+(2) (-)	1- Trả tiền ngay - Trả tiền mua nguyên, nhiên vật liệu, hàng hóa - Trả chi phí dịch vụ mua ngoài - Chi phí bằng tiền khác 2 - Phải trả của kỳ trước - Chi tiền trả cho các khoản nợ liên quan đến các giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ kỳ trước nhưng kỳ này mới trả tiền và số tiền chi ứng trước cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	152,153,156,133 6278,642,641,133 627, 641,642,133	111, 112,113 111, 112,113 111, 112,113
3. Tiền chi trả cho người lao động (-)	Tạm ứng, thanh toán tiền lương	03	334	111,112
4. Tiền chi trả lãi vay (-)	Chi trả lãi vay (không phân biệt trả cho kỳ trước, trả trong kỳ và trả trước lãi vay)	04	635, 335	111,112,113
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp (-)	Chi nộp thuế TNDN (không phân biệt số thuế TNDN đã nộp của kỳ này, số thuế TNDN còn nợ từ các kỳ trước đã nộp trong kỳ này và số thuế TNDN nộp trước (nếu có))	05	3334	111,112,113

6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (+)	Thu về bồi thường, được phạt, tiền thưởng, các khoản tiền thu khác... Thu hồi các khoản đưa đi ký quỹ, ký cược Tiền thu do nhận ký quỹ, ký cược Tiền thu do được hoàn thuế	06	111,112,113 111,112,113 111,112,113 111,112,113	711,333, 338, 138, 141, 142, 635 144 344 133
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (-)	Chi về bồi thường bị phạt, các khoản chi phí khác Tiền chi đưa đi ký quỹ, ký cược Tiền trả các khoản nhận ký cược, ký quỹ Tiền chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi Tiền nộp các loại thuế (không bao gồm thuế TNDN, tiền nộp các loại phí, lệ phí, tiền thuê đất	07	811,338,138,141,333 144 344 431 3331, 3333, 3337, 3338	111,112,113 111,112,113 111,112,113 111,112,113 111,112,113
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	Mã 20 = Mã 01+ Mã 02+Mã 03+Mã 04+Mã 05+Mã 06+Mã 07	20		
				
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		21	211,133	111,112,113
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		22	111,112,113	711,333
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		23	128,228	111,112
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		24	111,112	128,228
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25	221,222,223	111,112
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		26	111,112	221,222,223
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27	111,112	515
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		31	111,112	411

2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		32	411	111,112
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		33	111,112	341,311
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		34	341,311	111,112
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		50		
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		60		
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)		70		

Ghi chú: Các nghiệp vụ không thường xuyên

Mã số 01: - tiền thu từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ chuyển trả ngay các khoản công nợ: Nợ TK331/Có TK511, Có TK333.

- tiền bản quyền, phí, hoa hồng và các khoản doanh thu khác (như bán chứng khoán vì mục đích thương mại) Nợ TK111,112,113/Có TK511- doanh thu khác.

Mã số 02: -Chi tiền từ thu các khoản phải thu của khách hàng Nợ TK152,153,156,331,62../Có TK131

- Chi tiền từ tiền vay ngắn hạn nhận được chuyển trả ngay cho người bán Nợ TK152,153,156,331,62../Có TK311

Mã số 04: - Chi trả lãi vay từ tiền thu các khoản phải thu khách hàng chi trả lãi vay ngay Nợ TK635,335/Có TK131.

Mã số 05:- Chi tiền nộp thuế TNDN từ tiền thu các khoản phải thu của các khách hàng Nợ TK3334/Có TK131